

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **32/2024/KDTM**

Ngày: **27/09/2024**

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ- TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tự Hiếu

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Long và ông Lương Anh Dũng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên - Cán bộ

Toà án nhân dân huyện Thanh Trì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa: Bà
Mai Thị Phụng- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 09 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 46/2024/TLST - KDTM ngày 07/05/2024 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2024/QĐXX- ST ngày 26/08/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐ- HPT ngày 11/09/2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C.**

Trụ sở: Số A T, quận H, TP Hà Nội

**Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản -
Ngân hàng TMCP C.**

Trụ sở: Số G đường N, phường N, quận I, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn A, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP C.

(Văn bản ủy quyền số 69/UQ-AMC ngày 05/03/2024 của ông Lê Đình L – Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP C

trên cơ sở Văn bản ủy quyền số 382/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 31/03/2023 của ông Trần Minh B – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C)

(Ông Tuấn A có mặt)

*** Bị đơn: Công ty cổ phần D**

Trụ sở: Số B xóm Đ, thôn V, xã T, huyện T, TP .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn H – Giám đốc công ty

(Ông H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Đinh Công H1, sinh năm 1974

- Bà Mai Thị N, sinh năm 1979

Đều trú tại: Tổ F cum A, phường K, quận T, TP ..

(Ông H1 và bà N đều vắng mặt)

- Bà Đặng Thị H2, SN: 1983- Chủ hộ kinh doanh cá thể hải sản C

Trú tại: Tổ C phường Đ, quận H, TP .

(Bà H2 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NHẬN THẤY

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn-Ngân hàng TMCP C do ông Nguyễn Tuấn A đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ngân hàng TMCP C (gọi tắt là Ngân hàng) - Chi nhánh T2 và Công ty cổ phần D (gọi tắt là Công ty D) đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT320 - DIGIARE ngày 13/05/2022, cụ thể như sau:

- Số tiền được vay tối đa theo hợp đồng tín dụng hạn mức: 25.000.000.000 đồng

- Thời hạn hiệu lực của HĐTDHM: 12 tháng (từ ngày 13/05/2022 đến ngày 13/05/2022)

- Thời hạn vay của số tiền nhận nợ trong mỗi lần nhận được ghi trên mỗi giấy nhận nợ tối đa không quá 06 tháng.

- Lãi suất cho vay trong hạn: Được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể.

- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty D số tiền 25.400.000.000 đồng theo 07 Giấy nhận nợ, cụ thể gồm:

*** Giấy nhận nợ số 01 ngày 13/05/2022:**

Số tiền nhận nợ: 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*)

Lãi suất vay trong hạn 8%. Thời hạn vay: 06 tháng, từ 13/5/2022 đến 14/11/2022

*** Giấy nhận nợ số 02 ngày 16/05/2022:**

Số tiền nhận nợ: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*)

Lãi suất vay trong hạn 8%. Thời hạn vay: 06 tháng, từ 16/05/2022 đến 16/11/2022

*** Giấy nhận nợ số 03 ngày 08/09/2022:**

Số tiền nhận nợ: 5.800.000.000 đồng (*Năm tỷ tám trăm triệu đồng*);

Lãi suất vay trong hạn 8%. Thời hạn vay: 06 tháng, từ 08/09/2022 đến 09/03/2023

*** Giấy nhận nợ số 04 ngày 09/09/2022:**

Số tiền nhận nợ: 7.000.000.000 đồng (*Bảy tỷ đồng*);

Lãi suất vay trong hạn 8%. Thời hạn vay: 06 tháng, từ 09/09/2022 đến 09/03/2023

*** Giấy nhận nợ số 05 ngày 12/09/2022:**

Số tiền nhận nợ: 7.200.000.000 đồng (*Bảy tỷ hai trăm triệu đồng*);

Lãi suất vay trong hạn 8%. Thời hạn vay: 06 tháng, từ 12/09/2022 đến 12/03/2023

*** Giấy nhận nợ số 06 ngày 14/09/2022:**

Số tiền nhận nợ: 4.000.000.000 đồng (*Bốn tỷ đồng*);

Lãi suất vay trong hạn 8%. Thời hạn vay: 06 tháng, từ 14/09/2022 đến 14/03/2023

*** Giấy nhận nợ số 07 ngày 11/11/2022:**

Số tiền nhận nợ: 700.000.000 đồng (*Bảy trăm đồng*);

Lãi suất vay trong hạn 8%. Thời hạn vay: 06 tháng, từ 11/11/2022 đến 11/05/2023

Khoản vay trên của Công ty D tại Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T3 được bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng 168m² đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Số A + A phố N, phường T, quận T, TP . theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DB 326304 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 16129 do Sở tài nguyên môi trường thành phố H cấp cho ông Đinh Công H1 và bà Mai Thị N ngày 16/03/2021. Tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 602/HĐTC, quyền số 01.2021 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 26/03/2021 tại Văn phòng C1 và được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/03/2021 tại Văn phòng Đ1.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty D đã tất toán toàn bộ khoản vay theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 13/05/2022, Giấy nhận nợ số 02 ngày 16/05/2022. Công ty D đã trả một phần lãi đối với các Giấy nhận nợ số 03 ngày 08/09/2022, Giấy nhận nợ số 04 ngày 09/09/2022, Giấy nhận nợ số 05 ngày 12/09/2022, Giấy nhận nợ số 06 ngày 14/09/2022 và Giấy nhận nợ số 07 ngày 11/11/2022 với tổng số tiền là 742.167.570 đồng. Sau đó Công ty D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và đôn đốc khách hàng về việc thanh toán khoản nợ quá hạn nhưng Công ty D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như đã cam kết. Do đó, toàn bộ khoản vay của Công ty D bị chuyển sang nợ quá hạn

Đến nay, Công ty D còn nợ Ngân hàng các khoản tạm tính đến ngày 31/07/2024, các khoản cụ thể như sau:

* **Giấy nhận nợ số 03 ngày 08/09/2022, gồm:** : Nợ gốc: 5.800.000.000 đồng, N1 lãi trong hạn: 835.351.362 đồng; Nợ lãi quá hạn: 375.059.349 đồng tính từ ngày 08/03/2023. Cộng: **7.010.410.711 đồng**

* **Giấy nhận nợ số 04 ngày 09/09/2022, gồm:** Nợ gốc: 7.000.000.000 đồng, N1 lãi trong hạn: 1.009.304.110 đồng; Nợ lãi quá hạn: 451.789.803 đồng tính từ ngày 09/03/2023. Cộng: **8.461.093.913 đồng**

* **Giấy nhận nợ số 05 ngày 12/09/2022, gồm:** Nợ gốc: 7.200.000.000 đồng, N1 lãi trong hạn: 1.038.141.370 đồng; Nợ lãi quá hạn: 460.926.235 đồng tính từ ngày 13/03/2023. Cộng: **8.699.067.605 đồng**

* **Giấy nhận nợ số 06 ngày 14/09/2022, gồm:** Nợ gốc: 4.000.000.000 đồng, N1 lãi trong hạn: 576.745.205 đồng; Nợ lãi quá hạn: 255.545.782 đồng tính từ ngày 14/03/2023. Cộng: **4.832.290.987 đồng**

* **Giấy nhận nợ số 07 ngày 11/11/2022, gồm:** Nợ gốc: 7000.000.000 đồng, N1 lãi trong hạn: 102.167.397 đồng; Nợ lãi quá hạn: 39.538.748 đồng tính từ ngày 11/05/2023. Cộng: **841.706.145 đồng**

Cộng lãi trong hạn: 3.561.709.444 đồng

Cộng lãi quá hạn: 1.582.859.917 đồng

Nợ gốc: 24.700.000.000 đồng

Cộng gốc và lãi: 29.844.587.361 đồng

Ngoài ra, ngày 03/08/2021, Công ty D và Ngân hàng có ký kết Hợp đồng tín dụng thẻ số 01/2021/HĐTD/CN320- DIGIARE với hạn mức tín dụng là 250.000.000 đồng. Ngày 17/05/2022, Công ty D đề nghị gia hạn thẻ tín dụng kèm phụ lục hợp đồng, Giấy đề nghị điều chỉnh hạn mức tín dụng thẻ và ngày 18/05/2022, Ngân hàng và Công ty D ký Phụ lục Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, theo đó thay đổi hạn mức từ 250.000.000 đồng lên hạn mức mới 300.000.000 đồng, lãi suất 18,5%/năm. Sau khi

được cấp thẻ tín dụng, Công ty D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 4.831.477.352 đồng, đã thanh toán tổng số tiền 4.626.785.650 đồng, gồm: lãi, phí là 8.293.862 đồng, gốc là 4.618.491.788 đồng. Công ty D còn nợ gốc là 219.834.131 đồng, nợ lãi là 61.975.741 đồng. Ngân hàng đã liên hệ với Công ty D nhiều lần nhưng Công ty D vẫn không thanh toán trả. Đến ngày 01/06/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Đến nay, Công ty D còn nợ tiền thẻ tín dụng, các khoản gồm: Nợ gốc là **219.834.131 đồng**, Nợ lãi: **61.975.741 đồng**. Cộng: **281.809.872 đồng**

Nay, Ngân hàng TMCP C khởi kiện đề nghị Tòa án Nhân dân huyện Thanh Trì:

1. Buộc Công ty D thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C toàn bộ số nợ theo Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng tín dụng thẻ, Giấy nhận nợ tính đến hết ngày 31/07/2024 là: **30.126.379.233 đồng**, trong đó: Nợ gốc là: **24.700.000.000 đồng**; Nợ lãi trong hạn: **3.561.709.444 đồng**; Nợ lãi quá hạn: **1.582.859.917 đồng** đồng; Nợ thẻ tín dụng là: Nợ gốc: **219.834.131 đồng**, Nợ lãi: **61.975.741 đồng**.

2. Đề nghị Tòa án buộc Công ty D phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP C theo Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng tín dụng thẻ, Giấy nhận nợ kể từ ngày 01/08/2023 đến khi Công ty D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo quy định.

3. Trường hợp Công ty D không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiền hành kê biên, xử lý sản phẩm bảo đảm nêu trên theo quy định của pháp luật.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty D. Nếu số tiền thu được không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty D vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

* **Bị đơn là Công ty cổ phần D do ông Bùi Văn H – Giám đốc Công ty trình bày:** Khoảng năm 2017 – 2023, tôi làm nhân viên bán vé Công ty CP T4 do ông Đinh Công H1 là chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Nguyễn Xuân T là đại diện theo pháp luật. Trong thời gian làm việc, tôi có chụp căn cước công dân của tôi cho kế toán Công ty và ông T để làm hồ sơ bảo hiểm xã hội. Đến hết tháng 10/2023, tôi đã nghỉ việc tại Công ty này và không còn liên hệ gì nữa.

Đến tháng 8/2024, tôi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, khi đó tôi mới biết được mình đang là người đại diện theo pháp luật của Công ty CP D. Tôi đã được xem Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty CP D. Các thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, số căn cước công dân, hộ khẩu và nơi ở của tôi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đều đúng. Tuy nhiên, về dân tộc thì tôi là dân tộc Mường, không phải dân tộc Kinh.

Tôi khẳng định, không liên quan và không làm thủ tục về việc thành lập, hoạt động của Công ty CP D hay bất kỳ Công ty nào khác. Tôi cho rằng có người đã sử dụng thông tin căn cước công dân của tôi mà tôi không hề biết. Tôi cũng không quen biết gì bà Nguyễn Kim A1, trước đây là giám đốc Công ty CP D.

Ngân hàng khởi kiện đối với Công ty CP D và yêu cầu Công ty CP D trả số tiền còn nợ tính đến ngày 31/07/2024 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng thẻ tín dụng, các khoản gồm:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022- HĐCVHM/NHCT320 - DIGIARE ngày 13/05/2022: Nợ gốc: 24.700.000.000 đồng, N1 lãi trong hạn: 3.561.709.444 đồng, Nợ quá hạn: 1.582.859.917 đồng. Cộng: **29.844.587.361 đồng**

- Hợp đồng thẻ tín dụng: Nợ gốc: 219.834.131 đồng, Nợ lãi: 61.975.741 đồng. Cộng: **281.809.872 đồng**

Tổng cộng: **30.126.379.233 đồng**

Ngân hàng đề nghị tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản vay, tôi không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Trường hợp Công ty CP D không trả hoặc trả không đầy đủ, Ngân hàng đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo thì tôi không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Công H1 và bà Mai Thị N không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.**

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị H2 trình bày:** Khoảng năm 2019 – 2020, tôi thuê một phần diện tích tại nhà số A phố N, phường T, quận T, TP . của ông Đinh Công H1 và bà Mai Thị N để mở cửa hàng bán hải sản. Tôi và ông H1 có ký kết Hợp đồng thuê nhà với giá 13.000.000 đồng/tháng, trả tiền thuê theo phương thức chuyển khoản. Tôi có đăng ký kinh doanh với tên là Hộ kinh doanh hải sản C2. Khi thuê nhà thì hiện trạng nhà đã như hiện nay, tôi chỉ sử dụng, không xây mới. Quá trình sử dụng nếu hỏng, lỗi gì thì tôi sửa chữa. Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét Hợp đồng thuê nhà giữa tôi và vợ chồng ông H1 và không đề nghị Tòa án xem xét về việc tôi sửa chữa, tôn tạo nhà. Tôi xác định không liên quan đến việc vay nợ, thế chấp của ông H1, bà N. Do đó tôi không tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt đối với tôi. Sau khi có bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án thì tôi sẽ chấp hành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì phát biểu ý kiến:

Tòa án thụ lý vụ án theo đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán đã xác định đúng và đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập tài liệu chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 97, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 BLTTDS và Nghị quyết 01/2017 ngày 13/01/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Công H1 và bà Mai Thị N mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ bằng phương thức niêm yết công khai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP C đối với Công ty cổ phần D

- Buộc Công ty cổ phần D phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP C theo Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng tín dụng thế, Giấy nhận nợ số tiền tạm tính đến ngày 27/09/2024, các khoản gồm : Nợ gốc là: 24.919.834.131 đồng; Nợ lãi trong hạn: 3.987.011.277 đồng, N1 lãi quá hạn: 1.759.481.835 đồng. Tổng cộng: 30.666.327.243 đồng

Buộc Công ty cổ phần D tiếp tục phải trả lãi kể từ ngày 28/09/2024 theo lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, G nhận nợ cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản vay.

Trong trường hợp Công ty cổ phần D không trả hoặc không trả đầy đủ được toàn bộ khoản vay, Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng 168m² đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Số A + A phố N, phường T, quận T, TP .) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DB 326304 do Sở tài nguyên môi trường thành phố H cấp cho ông Đinh Công H1 và bà Mai Thị N ngày 16/03/2021 để Ngân hàng thu hồi nợ

Công ty cổ phần D phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thẩm quyền:**

Ngân hàng TMCP C được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế doanh nghiệp Nhà nước số 0100111948, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 08/09/2021, ngành nghề của Ngân hàng TMCP C là kinh doanh tiền tệ, tín dụng, dịch vụ ngân hàng và các hoạt động khác ghi trong Điều lệ. Công ty cổ phần D được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần S, đăng ký lần đầu ngày 13/01/2017, người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Trọng T1- Giám đốc công ty, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 18/06/2020, người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Đ- Giám đốc Công ty, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14/09/2020, người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Kim A1- Giám đốc Công ty, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 22/11/2023, người đại diện theo pháp luật là ông Bùi Văn H- Giám đốc Công ty. Do Công ty cổ phần D không trả được đủ vốn vay cho Ngân hàng TMCP C sau khi hết hạn vay nên ngày 20/09/2023, Ngân hàng TMCP C đã làm đơn khởi kiện Công ty cổ phần D đến Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì. Công ty cổ phần D, có trụ sở tại Số B xóm Đ, thôn V, xã T, huyện T, TP . ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP C mục đích vay tiền để kinh doanh sinh lời nên xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”. Toà án nhân dân huyện Thanh Trì đã thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì đã tổng đạt hợp lệ cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Công H1, bà Mai Thị N bằng phương thức niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và các văn bản tố tụng khác nhưng họ đều vắng mặt không có lý do.

Ngày 26/08/2024, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2024/QĐXX và ấn định phiên tòa được mở vào hồi 09 giờ 00' ngày 11/09/2024. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã được tổng đạt hợp lệ cho ông Đinh Công H1, bà Mai Thị N bằng phương thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11/09/2024, ông Đinh Công H1, bà Mai Thị N đều không có mặt. Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa tiếp theo được mở vào hồi 09 giờ 00' ngày 27/09/2024. Quyết định hoãn phiên tòa được tổng đạt hợp lệ ông Đinh Công H1, bà Mai Thị N bằng phương thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 27/09/2024, ông Đinh Công

H1, bà Mai Thị N đều vắng mặt không có lý do, đại diện bị đơn là Công ty cổ phần D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị H2 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

3. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C

- **Về số tiền nợ gốc:** Căn cứ vào hồ sơ vay vốn và hồ sơ thế chấp của Công ty cổ phần D, Ngân hàng TMCP C - C3 đã cho Công ty D vay tiền để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Theo đó Ngân hàng cho Công ty D vay số tiền 25.400.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT320 - DIGIARE ngày 13/05/2022 và 07 Giấy nhận nợ với thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 13/05/2022 đến ngày 13/05/2023, thời hạn vay của số tiền nhận nợ được ghi trên mỗi giấy nhận nợ tối đa không quá 06 tháng, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 tháng/ lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Xét thấy các văn bản tín dụng trên đều được các bên ký kết tự nguyện, những người tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đúng thẩm quyền, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và các văn bản tín dụng khác phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Tại Điều 8.01 của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT320 - DIGIARE ngày 13/05/2022 quy định về chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn: Bên cho vay được quyền tuyên bố chấm dứt cho vay và hoặc thu hồi trước hạn một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và lãi cộng dồn khi phát sinh hoặc tiếp diễn một trong các sự kiện sau: Bên vay không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ gốc đến hạn của bất kỳ khoản nợ nào, lãi đến hạn tính trên bất kỳ khoản nợ nào và/hoặc bất kỳ nghĩa vụ tài chính khác đến hạn theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm.

Tại Điều 8.02 của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT320 - DIGIARE ngày 13/05/2022 quy định: Bên cho vay chuyển nợ quá hạn đối với dư nợ gốc mà bên vay không thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo như thông báo của bên cho vay

Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty D tổng số tiền 25.400.000.000 đồng theo 07 giấy nhận nợ. Công ty D đã nhận đầy đủ số tiền 25.400.000.000 đồng theo phương thức chuyển khoản.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty D đã trả được toàn bộ gốc và lãi theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 13/05/2022 và Giấy nhận nợ số 02 ngày 16/05/2022. Sau đó đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó toàn bộ khoản vay của Công ty D bị chuyển sang nợ quá hạn

Như vậy Công ty D còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là **24.700.000.000 đồng**. Số tiền nợ gốc này bị đơn trên phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng.

Về số tiền lãi: Tại Điều 2.01 của Hợp đồng tín dụng quy định về lãi suất cho vay, lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn như sau: Lãi suất cho vay trong hạn của khoản nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo nguyên tắc xác định như sau: Lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 tháng một lần. Lãi suất cho vay của bất kỳ khoản nợ nào sẽ được xác định vào ngày giải ngân khoản nợ đó và được điều chỉnh vào ngày 25 của tháng cuối cùng của thời hạn. Lãi suất của khoản vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào là lãi suất ngày và bằng tổng của lãi suất cơ sở cộng (+) Biên độ 3,5%/năm (tương đương 3,5/365 %/ngày). Lãi suất cơ sở được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường trả lãi sau VND thời hạn 06 tháng được niêm yết tại Bên cho vay cộng (+) chi phí huy động vốn tăng thêm. Trường hợp tại ngày xác định lãi suất không có loại lãi suất tiết kiệm thông thường trả lãi sau VND thời hạn 06 tháng thì áp dụng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường kỳ hạn liền kề có lãi suất cao hơn trong biểu lãi suất huy động niêm yết của bên cho vay. Chi phí huy động vốn tăng thêm là chi phí phát sinh trong điều kiện biến động thị trường khiến lãi suất huy động tiết kiệm niêm yết trả lãi sau không phản ánh đầy đủ chi phí huy động vốn thực tế của bên cho vay. Bên cho vay được quyền điều chỉnh biên độ và thông báo cho bên vay để đảm bảo lợi ích của bên cho vay. Trường hợp số dư nợ gốc bị chuyển quá hạn theo quy định tại Điều 3.06(b) và Điều 8.02 của Hợp đồng thì bên vay phải trả lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn như thỏa thuận tại Điều 2,01(a) tại thời điểm chuyển nợ quá hạn

Xét việc thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn của các bên quy định trong Hợp đồng tín dụng là không trái quy định của pháp luật do đó yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Công ty D phải thanh toán trả nợ Ngân hàng các khoản lãi tạm tính đến ngày 27/09/2024, cụ thể như sau:

* **Giấy nhận nợ số 03 ngày 08/09/2022, gồm:** : Nợ gốc: 5.800.000.000 đồng, N1 lãi trong hạn: 918.299.307 đồng; Nợ lãi quá hạn: 416.533.322 đồng tính từ ngày 08/03/2023. Cộng: **7.134.832.629 đồng**

* **Giấy nhận nợ số 04 ngày 09/09/2022, gồm:** Nợ gốc: 7.000.000.000 đồng, N1 lãi trong hạn: 1.109.413.699 đồng; Nợ lãi quá hạn: 501.844.598 đồng tính từ ngày 09/03/2023. Cộng: **8.611.258.297 đồng**

* **Giấy nhận nợ số 05 ngày 12/09/2022, gồm:** Nợ gốc: 7.200.000.000 đồng, N1 lãi trong hạn: 1.141.111.233 đồng; Nợ lãi quá hạn: 512.411.167 đồng tính từ ngày 13/03/2023. Cộng: **8.853.522.400 đồng**

* **Giấy nhận nợ số 06 ngày 14/09/2022, gồm:** Nợ gốc: 4.000.000.000 đồng, N1 lãi trong hạn: 633.950.684 đồng; Nợ lãi quá hạn: 284.148.522 đồng tính từ ngày 14/03/2023. Cộng: **4.918.099.206 đồng**

* **Giấy nhận nợ số 07 ngày 11/11/2022, gồm:** Nợ gốc: 700.000.000 đồng, N1 lãi trong hạn: 112.178.356 đồng ; Nợ lãi quá hạn: 44.544.227 đồng tính từ ngày 11/05/2023. Cộng: **856.722.583 đồng**

Cộng lãi trong hạn: 3.914.953.280 đồng

Cộng lãi quá hạn: 1.759.481.836 đồng

Nợ gốc: 24.700.000.000 đồng

Cộng gốc và lãi: 30.374.435.116 đồng

- Đối với Hợp đồng tín dụng thẻ số 01/2021/HĐTD/CN320- DIGIARE ngày 03/08/2021 và đề nghị gia hạn thẻ tín dụng kèm phụ lục hợp đồng ngày 17/05/2022:

Ngày 03/08/2021, Công ty D và Ngân hàng có ký kết Hợp đồng tín dụng thẻ số 01/2021/HĐTD/CN320- DIGIARE với hạn mức tín dụng là 250.000.000 đồng. Ngày 17/05/2022, Công ty D đề nghị gia hạn thẻ tín dụng kèm phụ lục hợp đồng, Giấy đề nghị điều chỉnh hạn mức tín dụng thẻ và ngày 18/05/2022, Ngân hàng và Công ty D ký Phụ lục Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, theo đó thay đổi hạn mức từ 250.000.000 đồng lên hạn mức mới 300.000.000 đồng, lãi suất 18,5%/năm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Công ty D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 4.831.477.352 đồng, đã thanh toán tổng số tiền 4.626.785.650 đồng, gồm: lãi, phí là 8.293.862 đồng, gốc là 4.618.491.788 đồng. Công ty D còn nợ lại gốc là 219.834.131 đồng, nợ lãi là 61.975.741 đồng. Ngân hàng đã liên hệ với Công ty D nhiều lần nhưng Công ty D vẫn không thanh toán trả. Đến ngày 01/06/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Đến nay, Ngân hàng xác định Công ty D còn nợ tiền thẻ tín dụng, tạm tính đến ngày 27/09/2024, các khoản gồm: Nợ gốc là **219.834.131 đồng**, Nợ lãi: **72.057.997 đồng**. Cộng: **291.892.128 đồng** là có căn cứ

Như vậy, tổng cộng cả gốc và lãi bị đơn phải trả Ngân hàng là **30.666.327.244 đồng** theo như bảng giải trình đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày là có căn cứ. Số tiền gốc tiếp tục sẽ được tính lãi theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng

*** Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng nhận thấy:**

Tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng quy định biện pháp bảo đảm bảo: Nghĩa vụ trả nợ gốc, thanh toán lãi, phí, các nghĩa vụ tài chính khác của bên vay phát sinh theo Hợp đồng này được bảo đảm bởi các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm mà bên vay và/hoặc tổ chức/cá nhân khác ký kết với bên cho vay và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác, cụ thể: Các Hợp đồng bảo đảm được xác lập trước và/hoặc cùng thời điểm ký kết Hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được bảo đảm gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này là Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/HĐBĐ/NHCT320 – DIGIARE ngày 26/03/2021 và các văn bản sửa đổi bổ sung. Các Hợp đồng bảo đảm được xác lập sau thời điểm ký kết Hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được bảo đảm gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này. Điều khoản này đã được các bên cụ thể hóa tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/HĐBĐ/NHCT320 – DIGIARE ngày 26/03/2021 theo đó ông Đinh Công H1 và bà Mai Thị N dùng tài sản của mình là quyền sử dụng 168 m² đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Số A + A phố N, phường T, quận T, TP . theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DB 326304 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 16129 do Sở tài nguyên môi trường thành phố H cấp cho ông Đinh Công H1 và bà Mai Thị N ngày 16/03/2021. Giá trị tài sản là 35.270.000.000 đồng. Việc ký kết Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng C1 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ1. Như vậy, Hợp đồng thế chấp này là hợp pháp nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP C về việc xử lý tài sản thế chấp nếu Công ty D không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ

Từ những nhận định trên đủ cơ sở để xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Về án phí: Công ty cổ phần D phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Căn cứ Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 của Chính phủ về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ

- Căn cứ Điều 117; Điều 280; Điều 299; Điều 303; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP C đối với Công ty cổ phần DIGIARE

2. Buộc Công ty cổ phần D phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm tính đến ngày 27/09/2024, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022- HĐCVHM/NHCT320 - DIGIARE ngày 13/05/2022 và các Giấy nhận nợ, gồm:

+ Nợ gốc: **24.700.000.000 đồng**

+ Nợ lãi trong hạn: **3.914.953.280 đồng**

+ Nợ lãi quá hạn: **1.759.481.836 đồng**

Cộng: 30.374.435.116 đồng

- Hợp đồng tín dụng thẻ số 01/2021/HĐTD/CN320- DIGIARE ngày 03/08/2021 và đề nghị gia hạn thẻ tín dụng kèm phụ lục hợp đồng ngày 17/05/2022, gồm:

+ Nợ gốc: **219.834.131 đồng,**

+ Nợ lãi: **72.057.997 đồng.**

Cộng: 291.892.128 đồng

Tổng cộng là 30.666.327.244 đồng (Ba mươi tỷ, sáu trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng).

3. Công ty cổ phần D tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 28/09/2024 đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng tín dụng thế và các Giấy nhận nợ đã ký kết.

4. Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty cổ phần D không trả hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ trên, Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng 168 m² đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Số A + A phố N, phường T, quận T, TP . theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DB 326304 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 16129 do Sở tài nguyên môi trường thành phố H cấp cho ông Đinh Công H1 và bà Mai Thị N ngày 16/03/2021 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 602/HĐTC, quyền số 01.2021 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 26/03/2021 để Ngân hàng thu hồi nợ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần D. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty cổ phần D vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm nêu trên thì những người đang cư trú, đang ăn ở thực tế hay ở thuê, ở nhờ tại diện tích đất thế chấp nêu trên phải chuyển dọn nhà cửa, đồ đạc, tài sản đi chỗ khác để thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Công ty cổ phần D phải chịu **138.666.327 đồng** (Một trăm ba mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền **67.438.000 đồng** (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007048 ngày 20/03/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKS, Chi cục THADS huyện Thanh Trì
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Tự Hiếu